ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 148 /2026/QĐ-UBND	*Gia Lai, ngày 14 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; việc quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị quyết số 97/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách; số lượng, chức danh và mức hỗ trợ đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; việc kiêm nhiệm chức danh và mức phụ cấp kiêm nhiệm, mức hỗ trợ kiêm nhiệm chức danh; mức hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thôn, tổ dân phố, Ban Công tác Mặt trận và Chi hội thuộc các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Thực hiện Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 20 tháng 6 năm 2026 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn một số nội dung về sắp xếp, thành lập tổ chức đảng ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; việc quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; việc quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt

động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 10 năm 2026.

2. Quyết định số 39/2026/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB&TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND,UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, C7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Phạm Anh Tuấn

Số: 148/2026/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-10-14T20:33:57+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; việc quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; việc quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh;

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn tỉnh; người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

1. Thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực thuộc phạm vi một đơn vị hành chính cấp xã (xã, phường); là nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; tổ chức để Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Thôn, làng, buôn, bôn, plei,… (gọi chung là thôn); tổ dân phố, khu phố, khối phố,… (gọi chung là tổ dân phố).

3. Thôn, tổ dân phố được tổ chức tại cấp xã. Thôn được tổ chức ở xã; tổ dân phố được tổ chức ở phường.

4. Trường hợp cần thiết do đặc điểm lịch sử, văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán, mức độ đô thị hóa hoặc yêu cầu quản lý thực tế của địa phương thì Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định việc tổ chức và sử dụng tên gọi thôn, làng, buôn,

bôn, plei, tổ dân phố, khu phố hoặc tên gọi cộng đồng dân cư khác phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố

Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Chương II
TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Mỗi thôn có Trưởng thôn; mỗi tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Việc bầu cử, cho thôi làm nhiệm vụ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

2. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố là người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, có nhiệm vụ giúp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố triển khai các công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định.

Việc lựa chọn, công nhận và cho thôi Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là 05 năm. Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Trường hợp cần bảo đảm thống nhất với thời điểm tổ chức lại thôn, tổ dân phố hoặc do tình huống bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh mà không thể tổ chức bầu đúng thời hạn, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nhưng không quá 06 tháng. Trường hợp phải rút ngắn hoặc kéo dài quá 06 tháng thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 5. Hoạt động của thôn, tổ dân phố

Hoạt động của thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng Tổ dân phố

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời được thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố quy định tại khoản 1 Điều này và được hưởng mức phụ cấp như Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong thời gian đảm nhiệm chức danh lâm thời.

3. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phân công.

Điều 7. Tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Tiêu chuẩn chung

a) Là công dân Việt Nam cư trú thường xuyên tại địa bàn xã, phường từ 21 tuổi trở lên, không quá 65 tuổi tại thời điểm bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; ưu tiên người trong độ tuổi lao động theo quy định; có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ và chức trách được giao.

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu; có uy tín trong cộng đồng dân cư; được Nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu về đạo đức, lối sống, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

c) Có kiến thức văn hóa, năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức Nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ do cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã giao; khuyến khích lựa chọn người có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu hoạt động của thôn, tổ dân phố.

d) Biết sử dụng máy vi tính, điện thoại thông minh hoặc các thiết bị điện tử thông minh khác để sử dụng các ứng dụng công nghệ trong thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng lập kế hoạch, tổng hợp, thống kê, báo cáo và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

đ) Không trong thời gian bị xử lý kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành bản án, quyết định của Tòa án; không thuộc trường hợp bị pháp luật cấm đảm nhiệm nhiệm vụ theo quy định.

2. Tiêu chuẩn cụ thể đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

a) Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam;

b) Có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên.

3. Tiêu chuẩn cụ thể đối với Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

Có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên; riêng đối với thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì trình độ học vấn tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên.

Chương III
THÀNH LẬP, SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 8. Nguyên tắc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

Nguyên tắc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

Điều 9. Thẩm quyền thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

1. Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn; quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập hồ sơ, tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, tiếp thu, giải trình và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định theo quy định.

Điều 10. Tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố

1. Quy mô số hộ gia đình:

a) Thôn phải có từ 300 hộ gia đình trở lên;

b) Tổ dân phố phải có từ 450 hộ gia đình trở lên.

2. Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định tổ chức hoặc sử dụng tên gọi cộng đồng dân cư theo khoản 4 Điều 2 Quy chế này thì áp dụng tiêu chí quy mô số hộ gia đình tương ứng với loại hình thôn hoặc tổ dân phố quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với thôn, tổ dân phố có yếu tố đặc thù theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP phải đảm bảo một trong các yếu tố sau:

a) Thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và có yếu tố đặc thù về vị trí địa lý, địa hình đồi núi phức tạp, dốc cao từ 10% trở lên; chia cắt bởi sông suối, nằm biệt lập, giao thông đi lại khó khăn, vực sâu; dân cư sinh sống phân tán, khoảng cách với thôn liền kề từ 5 km trở lên.

b) Thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo; địa bàn có yêu cầu đặc biệt về bảo vệ chủ quyền, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo xác định của cơ quan có thẩm quyền.

c) Thôn chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số, có nhiều khác biệt về phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội truyền thống.

d) Thôn, tổ dân phố thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư theo quy hoạch, kế hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Trường hợp phát sinh yếu tố đặc thù khác ngoài các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c, d của khoản này, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Căn cứ nguyên tắc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố; tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định, đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định.

Trường hợp thôn, tổ dân phố có yếu tố đặc thù quy định tại khoản 3 Điều này, quy mô số hộ gia đình có thể thấp hơn quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 11. Thành lập thôn, tổ dân phố trong các trường hợp đặc biệt

Thành lập thôn, tổ dân phố trong các trường hợp đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

Điều 12. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập, sắp xếp, tổ chức lại; giải thể, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

Trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập, sắp xếp, tổ chức lại; giải thể, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

Chương IV
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ VÀ NGƯỜI THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 13. Quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố chịu sự quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn và phân công nhiệm vụ của cấp uỷ, chính quyền địa phương cấp xã và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn sau khi thống nhất với Bí thư Chi bộ, Trưởng ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố; được Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận và được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phân công nhiệm vụ giải quyết công việc ở thôn, tổ dân phố hỗ trợ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã tạo điều kiện để người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

4. Việc quản lý, sử dụng, đánh giá, bố trí đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định của pháp luật và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng theo quy định của pháp luật; nếu không hoàn thành nhiệm vụ, không được Nhân dân tín nhiệm hoặc vi phạm pháp luật thì tùy theo mức độ sai phạm, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan có thẩm quyền xem xét, thực hiện việc thay thế, cho thôi làm nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phù hợp với tiêu chuẩn và yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Nội dung bồi dưỡng tập trung vào kỹ năng tuyên truyền, vận động Nhân dân; hòa giải ở cơ sở; năng lực lãnh đạo, tổ chức hoạt động ở cộng đồng dân cư; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; sử dụng nền tảng số; cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu; hỗ trợ Nhân dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các kỹ năng khác phù hợp theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chuẩn của từng chức danh, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và điều kiện thực tế của địa phương, rà soát, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; phối hợp với cấp ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và cơ quan có liên quan trong quá trình thực hiện. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nếu được cơ quan có thẩm quyền cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng thì được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan, địa phương

1. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; định kỳ tổng hợp, đánh giá, tham mưu sơ kết, tổng kết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Sở Tài chính

Tham mưu bảo đảm nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở

thôn, tổ dân phố theo phân cấp ngân sách hiện hành; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nội dung liên quan đến tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã

Trực tiếp quản lý, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của thôn, tổ dân phố, tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo đúng thẩm quyền đã được phân cấp; lập hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc kiểm kê, bàn giao tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu và các nhiệm vụ liên quan; bảo đảm việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố không làm gián đoạn hoạt động của cộng đồng dân cư;

Việc quản lý, sử dụng kinh phí phải bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả; đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động, giám sát việc thực hiện Quy chế này; tham gia tạo sự đồng thuận xã hội trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố; phát huy vai trò của Ban công tác Mặt trận trong việc dự kiến, giới thiệu nhân sự, phối hợp tổ chức cuộc họp cộng đồng dân cư, giám sát việc lấy ý kiến Nhân dân, tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân và việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các trường hợp người đang giữ chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành nhưng chưa đáp ứng ngay tiêu chuẩn mới theo quy định tại Điều 7 Quy chế này thì tiếp tục đảm nhiệm chức danh đến hết nhiệm kỳ hoặc đến khi cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kiện toàn lại chức danh theo tiêu chuẩn quy định; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm rà soát, hướng dẫn, bố trí, sắp xếp phù hợp, bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Quy chế này và các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp văn bản được viện dẫn trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp, xem xét, tham mưu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.